

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2022/DS-PT
Ngày: 12/12/2022
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phương.

- Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/12/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 364/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Võ Thị Mỹ N;

4.2. Ông Võ Minh Đ;

4.3. Bà Vũ Thị N;

4.4. Bà Đỗ Thị Kim H.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: anh Nguyễn Minh H, là bị đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/6/2020, các Biên bản lấy lời khai tại Tòa án, và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Năm 2018, chị L cho anh H vay tiền bốn lần gồm:

- Lần thứ nhất: Khoảng ngày 01, ngày 02 tháng 3 năm 2018 cho vay 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, không làm biên nhận. Anh H trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay, anh H trực tiếp đóng lãi được 02 lần x 100.000.000 đồng x 4%/tháng = 8.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi, không trả vốn.

- Lần thứ hai: Khoảng ngày 01, ngày 02 tháng 6 năm 2018 cho vay tiếp 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, không làm biên nhận. Anh H trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay, anh H trực tiếp đóng lãi được 02 lần x 100.000.000 đồng x 4%/tháng = 8.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi, không trả vốn.

- Lần thứ ba: Khoảng ngày 01, ngày 02 tháng 9 năm 2018 cho vay tiếp 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, không làm biên nhận. Anh H trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay, anh H

trực tiếp đóng lãi được 02 lần x 100.000.000 đồng x 4%/tháng = 8.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi, không trả vốn.

- Lần thứ tư: Khoảng ngày 01, ngày 02 tháng 12 năm 2018 cho vay tiếp 110.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, không làm biên nhận. Anh H trực tiếp nhận số tiền 110.000.000 đồng. Sau khi vay, anh H trực tiếp đóng lãi được 02 lần x 110.000.000 đồng x 4%/tháng = 8.800.000 đồng thì ngưng đóng lãi, không trả vốn.

Anh H vay bốn lần tổng cộng 410.000.000 đồng và đóng lãi cho bốn lần vay là 32.800.000 đồng, anh H nói vay tiền để xoay sở kinh tế, chi tiêu mua sắm tài sản trong gia đình, trị bệnh cho con, chị H (vợ anh H) cũng biết việc vay tiền này, nên chị L tin tưởng giao tiền cho anh H mà không nói cho chị H biết. Tuy nhiên, sau khi vay 410.000.00 đồng và đóng lãi của khoản vay lần thứ tư được 8.800.000 đồng thì anh H, chị H ngưng đóng lãi và không trả vốn. Chị L điện thoại đòi nợ vay nhiều lần thì anh H tránh né, còn chị H lại chối nói là không biết anh H vay tiền. Đến ngày 10/02/2019, anh H viết ký “Biên nhận mượn tiền” nội dung xác nhận anh H có mượn chị L 410.000.000 đồng, cam kết thời gian mượn từ ngày 10/02/2019 đến ngày 15/12/2019 bên anh H sẽ hoàn trả hết nợ nhưng cũng không thực hiện cam kết.

Nay chị L chỉ yêu cầu anh H và chị H liên đới trả nợ vay 410.000.000 đồng. Chị L không yêu cầu tính lãi tiếp tục.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh H đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án.

Theo đơn trình bày ý kiến ngày 13/12/2021, các Biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Mỹ H (vợ anh H) trình bày:

Anh Nguyễn Minh H và chị Huỳnh Thị Mỹ H là vợ chồng có đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/9/2011. Ngày 17/01/2020, anh H bỏ nhà đi đến nay, chị H và gia đình không biết anh H ở đâu, làm gì, nguyên nhân do chị L thuê người đến đòi nợ, nên anh H bỏ đi để trốn nợ.

Chị H không biết anh H vay tiền của chị L bao nhiêu tiền, khi nào, để làm gì. Anh H và chị L cũng không nói cho chị H biết việc anh H vay tiền của chị L. Anh H cũng không mang tiền về chi tiêu mua sắm tài sản trong gia đình, không sử dụng để trị bệnh cho con. Tháng 10 năm 2019, khi chị L đòi nợ thì anh H xác nhận có mượn tiền chị L nhiều lần chưa trả, còn nợ tổng cộng 105.000.000 đồng chưa trả, thỏa thuận lãi suất 15.000 đồng/01 triệu đồng/ngày, mục đích là cho em gái tên T vay lại. Do không trả vốn đúng lãi, nên chị L cộng vốn lãi thành nợ vay 480.000.000 đồng và ép buộc anh H ký tên vào Biên nhận nợ 480.000.000 đồng nhưng chị H, anh H không đồng ý.

Ngày 17/10/2019 âm lịch, chị L chốt nợ và yêu cầu anh H ký Biên nhận nợ 480.000.000 đồng thì anh H, chị H không đồng ý vì cộng sổ ghi nợ của chị L thì anh H chỉ vay vốn tổng cộng 105.000.000 đồng, nhưng chị L không thống nhất.

Việc anh H ký tên “Biên nhận mượn tiền” 410.000.000 đồng ngày 10/02/2019 thì chị H không biết, không chứng kiến. Nhưng khi chị L khởi kiện và được xem đọc tài liệu, chứng cứ của chị L cung cấp tại Tòa án, chị H mới biết có Biên nhận mượn tiền 410.000.000 đồng ngày 10/02/2019. Anh H cũng chưa bao giờ nói cho chị H biết gì về Biên nhận mượn tiền 410.000.000 đồng ngày 10/02/2019. Nhưng qua xem Biên nhận thì chị H xác nhận chữ viết nội dung, chữ ký và chữ viết họ tên trong "Biên nhận mượn tiền" 410.000.000 đồng ngày 10/02/2019 là của anh H viết và ký ra.

Chị H cho rằng anh H chỉ nợ vốn vay 105.000.000 đồng nên chị H chỉ đồng ý liên đới với anh H trả nợ vốn vay 105.000.000 đồng, không đồng ý liên đới trả nợ vay 410.000.000 đồng.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 09/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị Kim L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Nguyễn Minh H trả cho chị Trần Thị Kim L nợ vay 305.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu đồng).

3. Buộc anh Nguyễn Minh H và chị Huỳnh Thị Mỹ H cùng liên đới trả cho chị Trần Thị Kim L nợ vay 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.250.000 đồng. Anh Nguyễn Minh H và chị Huỳnh Thị Mỹ H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000 đồng.

5.2. Chị Trần Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013383 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Trần Thị Kim L tự nguyện chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.500.000 đồng (đã thanh toán xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2022, anh Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm: yêu cầu tuyên anh chịu trách nhiệm trả chị L 105.000.000 đồng, vợ anh là Huỳnh Thị Mỹ H không liên đới trả nợ, xem xét lại khoản nợ 305.000.000 đồng của anh với chị L vì anh bị buộc ký giấy nợ 410.000.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của anh

Nguyễn Minh H, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L và anh H thỏa thuận: chị L thống nhất với số nợ 310.000.000 đồng (giảm 100.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm), trong đó anh H cá nhân trả chị L 205.000.000 đồng, anh H và chị H liên đới trả chị L 105.000.000 đồng, anh H thống nhất với yêu cầu trên.

Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Công nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Minh H.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản sơ thẩm và chấp nhận một phần kháng cáo nên anh Nguyễn Minh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Minh H.
- Sửa bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- Công nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Minh H.
 1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị Kim L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.
 2. Buộc anh Nguyễn Minh H trả cho chị Trần Thị Kim L nợ vay 205.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu đồng).
 3. Buộc anh Nguyễn Minh H và chị Huỳnh Thị Mỹ H cùng liên đới trả cho chị Trần Thị Kim L nợ vay 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).
 4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
 5. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 5.1. Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.250.000 đồng. Anh Nguyễn Minh H và chị Huỳnh Thị Mỹ H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000 đồng.
 - 5.2. Chị Trần Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013383 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.
 6. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Trần Thị Kim L tự nguyện chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.500.000 đồng (đã thanh toán xong).
 7. Về án phí phúc thẩm:
 - Anh Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0013344 ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TDS (Nhi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Trúc Phương